



XĂNG - TI - MÉT KHỐI. ĐỀ - XI - MÉT KHỐI

Nhận xét của giáo viên:

Thực hành:

Bài 1: Viết vào ô trống (theo mẫu):

Viết số	Đọc số
76 cm ³	Bảy mươi sáu xăng-ti-mét khối
519 dm ³	
85,08 dm ³	
$\frac{4}{5}$ cm ³	
	Một trăm chín mươi hai xăng-ti-mét khối
	Hai nghìn không trăm linh một đề-xi-mét khối
—	Ba phần tám xăng-ti-mét khối

Bài 2: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

$$1 \text{ dm}^3 = \quad \text{cm}^3$$

$$4,7 \text{ dm}^3 = \quad \text{cm}^3$$

$$582 \text{ dm}^3 = \quad \text{cm}^3$$

$$2,08 \text{ dm}^3 = \quad \text{cm}^3$$

$$15 \text{ dm}^3 = \quad \text{cm}^3$$

$$\frac{4}{5} \text{ dm}^3 = \quad \text{cm}^3$$

$$4000 \text{ cm}^3 = \quad \text{dm}^3$$

$$580000 \text{ cm}^3 = \quad \text{dm}^3$$

$$1500 \text{ cm}^3 = \quad \text{dm}^3$$

$$347000 \text{ cm}^3 = \quad \text{dm}^3$$

$$82 \text{ cm}^3 = \quad \text{dm}^3$$

$$258 \text{ cm}^3 = \quad \text{dm}^3$$